



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-402 (25.1934)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu đầu nguồn
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu đô thị Sơn Nam Plaza, Phường Hồng Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 10 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 10/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 10/10/2025 – 24/10/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-402	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl- G:2023	mg/L	0,321	0,2 ÷ 1
6	Mùi ^(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	8,1	6 ÷ 8,5
8	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	KPH (LOD=0,03)	2
9	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
11	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Antimon (Sb) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,02
13	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
14	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) ^(*)	TCVN 6635:2000	mg/L	KPH (LOD=0,07)	2,4
15	Bari ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,007)	1,3
16	Cadmi (Cd) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,00003)	0,003
17	Chì (Plumbum) (Pb) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
18	Chloride (Cl) ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/L	65,6	250
19	Chromi (Cr) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
20	Đồng (Cuprum) (Cu) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-402	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Độ cứng, tính theo $\text{CaCO}_3^{(*)}$	TCVN 6224:1996	mg/L	121	300
22	Fluor (F) $^{(*)}$	SMEWW 4500-F- D: 2023	mg/L	<0,2	1,5
23	Kẽm (Zincum) (Zn) $^{(*)}$	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	2
24	Mangan (Mn) $^{(*)}$	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
25	Nhôm (Aluminium) (Al) $^{(*)}$	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
26	Nickel (Ni) $^{(*)}$	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	0,07
27	Nitrat (NO_3^- tính theo N) $^{(*)}$	TCVN 6180:1996	mg/L	0,1	11
28	Nitrit (NO_2^- tính theo N) $^{(*)}$	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,9
29	Natri (Na) $^{(*)}$	SMEWW 3111B:2023	mg/L	30,1	200
30	Sắt (Ferrum) (Fe) $^{(*)}$	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
31	Seleni (Se) $^{(*)}$	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,04
32	Sulfat (Sulfate) (SO_4^{2-}) $^{(*)}$	SMEWW 4500 - SO42- E:2023	mg/L	10,9	250
33	Sunfua (Sulfide) (S_2) $^{(**)}$	SMEWW 4500 S2- D:2023	mg/L	<0,03	0,05
34	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg) $^{(*)}$	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) $^{(*)}$	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	223	1.000
36	Xyanua (Cyanide) (CN^-) $^{(**)}$	SMEWW 4500CN- A,B,C,E: 2023	mg/L	<0,004	0,05
37	1,1,1 - Trichloroethane ($\text{C}_2\text{H}_3\text{Cl}_3$) $^{(*)}$	EPA 524.2:1995	$\mu\text{g/L}$	KPH (LOD=3)	2.000
38	1,2 - Dichloroethane ($\text{C}_2\text{H}_4\text{Cl}_2$) $^{(**)}$	US EPA 5030C:2003 & US EPA 5035:1996 US EPA 8260D:2017	$\mu\text{g/L}$	<0,1	30
39	1,2 - Dichloroethene ($\text{C}_2\text{H}_2\text{Cl}_2$) $^{(*)}$	HPL.GC0133 : 2025 (Ref. US EPA 5021A:2014 & US EPA 8260C,D:2017)	$\mu\text{g/L}$	KPH (LOD=3)	50
40	Cacbon tetrachlorua (CCl_4) $^{(**)}$	US EPA 5030C:2003 & US EPA 5035:1996 US EPA 8260D:2017	$\mu\text{g/L}$	<0,1	2
41	Dichloromethane (CH_2Cl_2) $^{(*)}$	EPA 524.2:1995	$\mu\text{g/L}$	KPH (LOD=3)	20
42	Tetrachloroethene (C_2Cl_4) $^{(*)}$	EPA 524.2:1995	$\mu\text{g/L}$	KPH (LOD=3)	40
43	Trichloroethene (C_2HCl_3)	HPL.GC0133 : 2025 (Ref. US EPA 5021A:2014 & US EPA 8260C,D:2017)	$\mu\text{g/L}$	KPH (LOD=1,5)	8
44	Vinyl chloride ($\text{C}_2\text{H}_3\text{Cl}$) $^{(**)}$	US EPA (5030C: 2003	$\mu\text{g/L}$	<0,1	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-402	Ngưỡng giới hạn cho phép
		& 5035: 1996 & 8260D: 2017)			
45	Benzene (C ₆ H ₆)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	10
46	Ethylbenzene (C ₈ H ₁₀)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
47	Pentachlorophenol (C ₆ HCl ₅ O)(**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<0,3	9
48	Styren (C ₈ H ₈)(**)	US EPA 5030C:2003 & US EPA 5035:1996 US EPA 8260D:2017	µg/L	<0,1	20
49	Toluen (C ₇ H ₈)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	700
50	Xylen (C ₈ H ₁₀)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	500
51	1,2 - Dichlorobenzene (C ₆ H ₄ Cl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	1.000
52	Monochlorobenzene (C ₆ H ₅ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
53	Tổng Trichlorobenzene (C ₆ H ₃ Cl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	20
54	Acrylamide (C ₃ H ₅ NO)(*)	HPL.GC0134:2024	µg/L	KPH (LOD=0,07)	0,5
55	Epichlorohydrin (C ₃ H ₅ ClO)(**)	US EPA 5030C:2003 & US EPA 5035:1996 US EPA 8260D:2017	µg/L	<0,1	0,4
56	Hexachlorobutadiene (C ₄ Cl ₆)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=0,15)	0,6
57	1,2- Dibromo - 3 chloropropane (C ₃ H ₅ Br ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=0,15)	1
58	1,2 - Dichloropropane (C ₃ H ₆ Cl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	40
59	1,3- Dichloropropene (C ₃ H ₆ Cl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	20
60	2,4-D (C ₈ H ₆ Cl ₂ O ₃)(*)	HPL.HD.H.PP 46:2021	µg/L	KPH (LOD=0,3)	30
61	2,4 - DB (C ₁₀ H ₁₀ Cl ₂ O ₃)(*)	HPL.HD.H.PP 46:2021	µg/L	KPH (LOD=0,3)	90
62	Alachlor (C ₁₄ H ₂₀ ClNO ₂)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	20
63	Aldicarb (C ₇ H ₁₄ N ₂ O ₂ S)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	10
64	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
65	Carbofuran (C ₁₂ H ₁₅ NO ₃)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	5
66	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
67	Clodane (C ₁₀ H ₆ Cl ₈)(*)	HPL.GC01154 : 2025 (Ref. US EPA 8081B:2007, US EPA 3510C:1996 & US EPA 3620C:2014)	µg/L	KPH (LOD=0,8)	0,2
68	Chlorotoluron (C ₁₀ H ₁₃ ClN ₂ O)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
69	Cyanazine (C ₉ H ₁₃ ClN ₆)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,08)	0,6
70	DDT (C ₁₄ H ₉ Cl ₅) và các dẫn xuất(*)	HPL.GC0129: 2025 (Ref. US EPA 8081B:2007, US EPA 3510C:1996 & US EPA 3620C:2014)	µg/L	KPH (LOD=0,1)	1

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-402	Ngưỡng giới hạn cho phép
71	Dichlorprop ($C_9H_8Cl_2O_3$) ^(*)	HPL.HD.H.PP 46:2021	µg/L	KPH (LOD=0,3)	100
72	Fenoprop ($C_9H_7Cl_3O_3$) ^(*)	HPL.HD.H.PP 46:2021	µg/L	KPH (LOD=0,3)	9
73	Hydroxyatrazine ($C_8H_{15}N_5O$) ^(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	200
74	Isoproturon ($C_{12}H_{18}N_2O$) ^(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	9
75	MCPA ($C_9H_9ClO_3$) ^(*)	HPL.HD.H.PP 46:2021	µg/L	KPH (LOD=0,3)	2
76	Mecoprop ($C_{10}H_{11}ClO_3$) ^(*)	HPL.HD.H.PP 46:2021	µg/L	KPH (LOD=0,3)	10
77	Methoxychlor ($C_{16}H_{15}Cl_3O_2$) ^(*)	HPL.GC0129: 2025 (Ref. US EPA 8081B:2007, US EPA 3510C:1996 & US EPA 3620C:2014)	µg/L	KPH (LOD=0,1)	20
78	Molinate ($C_9H_{17}NOS$) ^(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	6
79	Pendimethalin ($C_{13}H_{19}N_3O_4$) ^(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	20
80	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^(*)	HPL.GC01124 : 2025 (Ref. US EPA 8081B:2007 & US EPA 525.3:2012)	µg/L	KPH (LOD=0,8)	20
81	Propanil ($C_9H_9Cl_2NO$) ^(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	20
82	Simazine ($C_7H_{12}ClN_5$) ^(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	2
83	Trifluralin ($C_{13}H_{16}F_3N_3O_4$) ^(*)	EPA 551.1:1995	µg/L	KPH (LOD=1)	20
84	2,4,6 - Trichlorophenol ($C_6H_2Cl_3OH$) ^(**)	US EPA 8270 E: 2018	µg/L	<0,3	200
85	Bromat (BrO_3^-) ^(**)	US EPA 300.1:1993	µg/L	<2,5	10
86	Formaldehyde (CH_2O) ^(**)	US EPA Method 556: 1998	µg/L	<100	500
87	Monochloramine (NH_2Cl) ^(*)	SMEWW 4500 -Cl G:2023	µg/L	KPH (LOD=70)	3.000
88	Bromodichloromethane ($CHBrCl_2$) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
89	Bromoform ($CHBr_3$) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
90	Chloroform ($CHCl_3$) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
91	Dibromochloromethane ($CHBr_2Cl$) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
92	Dibromoacetonitrile(C_2HBr_2N) ^(*)	EPA 551.1:1995	µg/L	KPH (LOD=1)	70
93	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^(*)	EPA 551.1:1995	µg/L	KPH (LOD=1)	20
94	Trichloroacetonitrile (C_2Cl_3N) ^(*)	EPA 551.1:1995	µg/L	KPH (LOD=0,3)	1
95	Acid monochloroacetic ($C_2H_3ClO_2$) ^(*)	EPA 552.2:1995	µg/L	KPH (LOD=1)	20
96	Acid dichloroacetic ($C_2H_2Cl_2O_2$) ^(*)	EPA 552.2:1995	µg/L	KPH (LOD=1)	50
97	Acid trichloroacetic ($C_2HCl_3O_2$) ^(*)	EPA 552.2:1995	µg/L	KPH (LOD=1)	200
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(*)	TCVN 8879:2011	Bq/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(*)	TCVN 8879:2011	Bq/L	KPH (LOD=0,07)	1

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi chuyên gia.

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-403 (25.1934)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu giữa nguồn lấy tại hộ dân Nguyễn Văn Tuyển. Địa chỉ: Thôn Đọ, Vĩnh Khúc, Văn Giang
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu đô thị Sơn Nam Plaza, Phường Hồng Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 10/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 10/10/2025 – 24/10/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-403	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl- G:2023	mg/L	0,308	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	KPH (LOD=0,03)	2
9	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
11	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
12	Sắt (Ferrum) (Fe)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB *Ang*

[Signature]
Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
[Signature]
TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-404 (25.1934)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu lấy tại căn phố Đông 4 kt08
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu đô thị Sơn Nam Plaza, Phường Hồng Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 1 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 10/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 10/10/2025 – 24/10/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-404	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl- G:2023	mg/L	0,307	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	KPH (LOD=0,03)	2
9	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
11	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
12	Sắt (Ferrum) (Fe)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-405 (25.1934)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu lấy tại Vin 3 Thời Đại 5-16
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu đô thị Sơn Nam Plaza, Phường Hồng Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 10/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 10/10/2025 – 24/10/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-405	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI- G:2023	mg/L	0,286	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	KPH (LOD=0,03)	2
9	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
11	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
12	Sắt (Ferrum) (Fe)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLB *Phg*

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
Đang Thế Hưng
TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.